TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 43/2020/QĐST-DS	*B, ngày 04 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 300/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn D, sinh năm 1959

Thường trú: 175, đường L, khu phố 4, phường H, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 15 Trương Văn Hải, khu phố 2, phường T, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1941
Bà Đào Thị M, sinh năm 1948
Ông Bùi Quốc B, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Số K3/97, đường B, khu phố 5 (cũ là ấp T), phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Bùi Văn N, ông Bùi Quốc B và bà Đào Thị M phải thanh toán cho ông Đoàn Văn D tổng số tiền gốc đã vay là 1.250.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng), các bên không yêu cầu tính lãi suất.

Về án phí Dân sự sơ thẩm – hòa giải thành: Nguyên đơn ông Đoàn Văn D phải nộp ½ tiền án phí sơ thẩm hòa giải thành là 12.375.000đ. Các bị đơn ông Bùi Văn N, bà Đào Thị M và ông Bùi Quốc B phải nộp ½ tiền án phí sơ thẩm hòa giải

thành là 12.375.000đ, chia ra ông N, bà M và ông B mỗi người phải nộp là 4.125.000đ. Tuy nhiên, ông Bùi Văn D, ông Bùi Văn N và bà Đào Thị M có đơn xin miễn tiền án phí vì là người cao tuổi (theo Điều 2 Luật người cao tuổi) nên ông D, ông N và bà M được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoàng Phương